UBND TỈNH THÁI BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 539[a]/QĐ-ĐHTB

Thái Bình, ngày 12 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Quy định hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Thái Bình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

Căn cứ vào Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 08/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thái Bình trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thái Bình;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Quyết định số 211/QĐ-UB ngày 20/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Đại học Thái Bình;

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đtiêu chuẩn ánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 813/QĐ-ĐHTB ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình ban hành Chiến lược và Kế hoạch thực hiện chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Thái Bình giai đoạn 2019-2021, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 583/QĐ-ĐHTB ngày 20/9/2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Thanh tra - Pháp chế, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, KT&ĐBCLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Lý

UBND TỈNH THÁI BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 12 tháng 10 năm 2019

QUY ĐỊNH
Về hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số:539ª/QĐ-ĐHTB ngày 12/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định tổ chức, hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường Đại học Thái Bình, bao gồm: cơ cấu tổ chức hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị đầu mối thực hiện hoạt động ĐBCL; đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng; xây dựng cơ sở dữ liệu ĐBCL; điều kiện thực hiện hoạt động ĐBCL.

2. Văn bản này áp dụng với các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trực thuộc Trường Đại học Thái Bình (sau đây gọi chung là đơn vị).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuẩn đầu ra*: là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo (CTĐT), được cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

2. *Chương trình đào tạo*: ở một trình độ cụ thể của một ngành học bao gồm: mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR); nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật từ đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó.

3. *Chương trình dạy học* của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.

4. *Đối sánh:* là hoạt động đối chiếu và so sánh một CSGD hoặc một CTĐT với bộ tiêu chuẩn đánh giá CLGD hoặc với CSGD/CTĐT được lựa chọn.

5. *Triết lý giáo dục*: là tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

6. *Các bên liên quan*, bao gồm: người học và gia đình người học; cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường; đơn vị sử dụng lao động và các đối tác; cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục.

7. *Trách nhiệm giải trình*: là trách nhiệm giải thích việc thực thi nhiệm vụ, công vụ hay những vấn đề liên quan đến trách nhiệm quản lý của Nhà trường khi được yêu cầu.

8. *Giáo dục đại học*: bao gồm các trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

9. *Chất lượng giáo dục*: là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của Nhà trường hoặc của CTĐT; đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học; phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

10. *Kiểm định chất lượng giáo dục đại học:* là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ cơ sở GDĐH hoặc CTĐT đạt tiêu chuẩn CLGD do Bộ Giáo dục và Đào (GDĐT) hoặc các tổ chức kiểm định khu vực, quốc tế ban hành.

11. *Tự đánh giá:* là quá trình Nhà trường tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá CLGD do Bộ GDĐT hoặc các tổ chức kiểm định khu vực, quốc tế ban hành để báo cáo về thực trạng CLGD, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác để Nhà trường có cơ sở tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn CLGD.

12. *Đánh giá ngoài:* là quá trình khảo sát, thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định của tổ chức kiểm định chất lượng (KĐCL) dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá CLGD do Bộ GDĐT hoặc các tổ chức kiểm định khu vực, quốc tế ban hành để xác định mức độ đạt tiêu chuẩn CLGD.

13. *Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng:* là mức độ yêu cầu và điều kiện mà cơ sở GDĐH hoặc CTĐT phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn CLGD. Mỗi tiêu chuẩn ứng với một lĩnh vực hoạt động của cơ sở GDĐH hoặc CTĐT; trong mỗi tiêu chuẩn có một số tiêu chí.

14. *Tiêu chí đánh giá chất lượng:* là mức độ yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của mỗi tiêu chuẩn.

Chương II
NGUYÊN TẮC VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

Điều 3. Đảm bảo chất lượng giáo dục là trách nhiệm của Nhà trường

1. Nhà trường xây dựng và thực hiện cam kết về chất lượng. Chất lượng giáo dục cần được xác định là một trong những ưu tiên hàng đầu, trong đó đảm bảo CLGD giúp phát triển và cải tiến liên tục tất cả các hoạt động, đồng thời thúc đẩy việc đạt được tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường.

2. Cam kết chất lượng cần được thể hiện trong các tuyên bố về chính sách và chiến lược. Lãnh đạo nhà trường cần đảm bảo hệ thống ĐBCLGD bên trong vận hành hiệu quả; tầm nhìn, sứ mạng đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

3. Nhà trường cần có cơ chế giám sát và định kỳ đánh giá việc thực hiện các cam kết về chất lượng và công bố công khai việc thực hiện các cam kết về chất lượng.

Điều 4. Đảm bảo cân bằng giữa quyền tự chủ của Nhà trường và trách nhiệm giải trình với xã hội

1. Nhà trường cần thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình, đồng thời triển khai đồng bộ các hoạt động nhằm ĐBCL giảng dạy, học tập, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng cũng như các hoạt động khác.

2. Nhà trường cần tham gia KĐCL cấp trường và cấp CTĐT để thể hiện trách nhiệm giải trình với xã hội

3. Có hệ thống quản trị và hệ thống thông tin giúp xây dựng các định hướng phát triển, đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững và minh bạch của các hoạt đông, đồng thời kiểm soát các nguy cơ tiềm ẩn.

Điều 5. Đảm bảo có sự tham gia và hợp tác của tất cả các bên liên quan trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

1. Nhà trường cần xây dựng, rà soát và cải tiến chính sách, chiến lược về ĐBCLGD; đảm bảo cơ chế tăng cường sự hợp tác và tham gia của các bên liên quan bên ngoài đối với các hoạt động của Nhà trường. Hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan cần được triển khai một cách có hệ thống.

2. Thông tin về hoạt động ĐBCL giáo dục bên trong, bao gồm các dữ liệu đã phân tích cần được lưu trữ, cập nhật đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn của Nhà trường. Các thông tin này được sử dụng phục vụ cho tự đánh giá, kiểm định và nâng cao CLGD, sử dụng để công bố cho các bên liên quan khi thực hiện trách nhiệm giải trình với xã hội của Nhà trường.

Điều 6. Tất cả các hoạt động của Nhà trường được triển khai trên nền tảng văn hoá chất lượng.

1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục và các giá trị cốt lõi được Nhà trường xây dựng và phổ biến, được giải thích rõ để triển khai, đồng thời được rà soát, đánh giá và điều chỉnh khi cần thiết để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan và yêu cầu của xã hội.

2. Nhà trường xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng tương thích với tầm nhìn, sứ mạng, là cơ sở để triển khai tất cả các hoạt động.

Điều 7. Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong có cấu trúc hợp lý, vận hành hiệu quả, trách nhiệm của các bộ phận được xác định rõ.

1. Nhà trường thiết lập hệ thống ĐBCLGD bên trong với cấu trúc hợp lý, trong đó chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận và cá nhân liên quan

trong nhà trường được phân định rõ ràng, đảm bảo có sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa bộ phận ĐBCLGD cấp trường và cấp đơn vị trực thuộc.

2. Hệ thống quy định, quy trình ĐBCLGD bên trong được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn Nhà trường; được định kỳ rà soát, cải tiến để triển khai các hoạt động ĐBCLGD một cách có hệ thống và nhất quán.

Điều 8. Lãnh đạo Nhà trường quan tâm, chỉ đạo hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục để đảm bảo việc triển khai hiệu quả, bền vững.

1. Lãnh đạo Nhà trường chịu trách nhiệm về chất lượng tất cả các lĩnh vực hoạt động trong nhà trường. Lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm triển khai hiệu quả các hoạt động ĐBCLGD của đơn vị theo quy định của Nhà trường.

2. Lãnh đạo các cấp cần có sự cam kết và quyết tâm đối với hoạt động ĐBCLGD ở cấp đơn vị và cấp trường.

3. Lãnh đạo nhà trường trực tiếp chỉ đạo hoạt động ĐBCLGD và kết nối các bên liên quan để đảm bảo việc triển khai hiệu quả.

Điều 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục được cung cấp đủ nguồn lực để hoạt động hiệu quả

1. Nhà trường cần đầu tư nguồn lực để xây dựng và duy trì hệ thống ĐBCLGD bên trong hoạt động hiệu quả, bao gồm cả nguồn nhân lực và tài chính.

2. Chính sách tài chính cần được xây dựng và phân phối phù hợp, đảm bảo cho công tác ĐBCLGD được triển khai hiệu quả, bền vững.

3. Đảm bảo đội ngũ cán bộ đủ về số lượng và có năng lực, đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động nhằm duy trì, nâng cao chất lượng dạy, học, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

4. Nhà trường cần xây dựng và triển khai kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cho hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ ĐBCLGD.

Điều 10. Nhà trường có cơ chế, quy trình chính thức để xét duyệt, rà soát, định kỳ và theo dõi chất lượng các chương trình, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên để cải tiến chất lượng

1. Nhà trường cần có cơ chế, hệ thống các quy định, tiêu chuẩn phù hợp, rõ ràng, đầy đủ để xét duyệt, định kỳ rà soát và theo dõi chất lượng các chương trình và đảm bảo sự tương thích giữa tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường với mục tiêu đào tạo của chương trình.

2. Cần có hệ thống và đội ngũ cán bộ có năng lực, có công cụ phù hợp để tư vấn, hỗ trợ sinh viên; giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập của sinh viên, các thông tin này được sử dụng để cải tiến chất lượng.

3. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tình hình việc làm của người học được xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Điều 11. Chất lượng thường xuyên được giám sát, đánh giá ở mọi cấp độ nhằm cải tiến liên tục

1. Nhà trường cần xây dựng chính sách để giám sát quy trình và hệ thống ĐBCLGD bên trong ở cấp độ trường và cấp độ đơn vị nhằm cải tiến chất lượng liên tục.

2. Cần có cơ chế, hệ thống thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan bên trong và bên ngoài để cải tiến chất lượng liên tục.

3. Chương trình đào tạo được giám sát, đối sánh và định kỳ đánh giá nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra, đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

4. Nhà trường có chính sách, kế hoạch đánh giá chất lượng các CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT hoặc các tổ chức kiểm định khu vực, quốc tế và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng.

Điều 12. Nhà trường thường xuyên cung cấp cho xã hội thông tin cập nhật, có liên quan đến hoạt động của Nhà trường, các chương trình đào tạo, thành quả đạt được và các quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Nhà trường cần cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan, cập nhật về hoạt động của trường, các CTĐT, mục tiêu đào tạo, bằng cấp mà người học nhận được sau khi tốt nghiệp, các quy trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá; các cơ hội học tập cho người học, cơ hội việc làm, tình hình kiểm định, ...cần đảm bảo các bên liên quan có thể tìm kiếm, truy cập dễ dàng các nguồn thông tin này khi có nhu cầu.

2. Đơn vị chuyên trách ĐBCLGD cần đăng tải các thông tin liên quan tới công tác ĐBCLGD trên cổng thông tin điện tử, trong đó có giới thiệu về cơ chế ĐBCLGD, các quy trình thực hiện và các thành quả đạt được.

Chương III
HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

Điều 13. Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Thái Bình

Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục tại Trường ĐHTB gồm 2 cấp: Hội đồng ĐBCLGD cấp trường (gọi tắt là Hội đồng) và các tổ ĐBCLGD cấp đơn vị.

1. Hội đồng ĐBCLGD cấp trường, bao gồm:

- Chủ tịch: Hiệu trưởng Nhà trường;
- Phó Chủ tịch: các Phó Hiệu trưởng, trong đó Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác ĐBCLGD là Phó Chủ tịch thường trực;
- Uỷ viên thường trực: Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo;
- Uỷ viên: đại diện Hội đồng khoa học và đào tạo; các tổ chức Đảng, đoàn thể; một số phòng, ban, trung tâm, khoa; đại diện giảng viên, người học.

2. Tổ ĐBCLGD cấp đơn vị, bao gồm:

- Tổ trưởng: lãnh đạo đơn vị

- Thành viên: là cán bộ, giảng viên thuộc đơn vị (có từ 1-3 thành viên)

Điều 14. Nhiệm vụ của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Nhiệm vụ của Hội đồng

- Tư vấn ĐBCL và KĐCL giáo dục theo quy định của Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan của Bộ GDĐT;
- Tư vấn ĐBCL và KĐCL giáo dục cấp trường và cấp CTĐT theo chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế;
- Tư vấn xây dựng, sửa đổi, bổ sung và các điều chỉnh các quy định trong lĩnh vực ĐBCLGD;
- Tư vấn xây dựng chiến lược và kế hoạch ĐBCL của Trường; giám sát, đánh giá việc thực hiện chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD;
- Tư vấn xây dựng các kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục cấp cơ sở GDĐH và CTĐT;
- Tư vấn các vấn đề khác liên quan đến ĐBCLGD và KĐCL giáo dục và đào tạo của Nhà trường.

2. Nhiệm vụ các thành viên Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của Hội đồng, cụ thể:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên của Hội đồng;
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị nội dung sẽ đưa ra thảo luận tại kỳ họp của Hội đồng;
- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng;
- Phê duyệt và sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định trong lĩnh vực ĐBCLGD;
- Phê duyệt chiến lược và kế hoạch hàng năm về công tác ĐBCLGD;
- Quyết định thành lập các tổ ĐBCLGD cấp đơn vị;
- Phê duyệt các chương trình cải thiện và nâng cao chất lượng GDĐH;
- Trong thời gian vắng mặt, Chủ tịch uỷ quyền cho Phó Chủ tịch thường trực giải quyết các công việc của Hội đồng.

b) Phó chủ tịch chịu trách nhiệm về công việc do Chủ tịch phân công, cụ thể:

- Thay mặt Hội đồng điều hành và giải quyết công việc của Hội đồng khi được uỷ quyền.
- Phó Chủ tịch thường trực có nhiệm vụ thay mặt Chủ tịch Hội đồng duyệt chương trình làm việc và các báo cáo đưa ra thảo luận tại các kỳ họp của Hội đồng.

c) Uỷ viên thường trực Hội đồng kiêm Trưởng ban thư ký, chịu trách nhiệm trước hội đồng về hoạt động của Ban thư ký và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Báo cáo trước Hội đồng kết quả các hoạt động ĐBCLGD của trường;
- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng về mục tiêu, chính sách, thủ tục, quy định và kế hoạch liên quan đến công tác ĐBCLGD;
- Lưu trữ tài liệu theo quy định.

d) Các uỷ viên Hội đồng:

- Có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của Hội đồng, tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp và khi có yêu cầu của Hội đồng;
- Lưu trữ tài liệu theo quy định

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo trong Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục

Phòng KT&ĐBCLĐT là đơn vị thường trực của Hội đồng ĐBCLGD, có các nhiệm vụ sau:

1. Giúp Hội đồng chuẩn bị nội dung và chương trình làm việc của các kỳ họp Hội đồng; tiếp nhận các ý kiến các thành viên Hội đồng, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ ĐBCLGD tại các kỳ họp;

2. Tư vấn cho Hội đồng trong việc xây dựng các mục tiêu, chính sách, quy trình, quy định và các kế hoạch cụ thể của hoạt động ĐBCLGD;

3. Là đầu mối thực hiện các kế hoạch ĐBCLGD, tự đánh giá, đánh giá ngoài và KĐCL giáo dục;

4. Tổ chức xây dựng và trình Nhà trường ban hành các văn bản quy định, kế hoạch triển khai thực hiện công tác ĐBCLGD;

5. Giám sát, hỗ trợ và kết nối việc thực hiện công tác của các tổ ĐBCLGD; làm đầu mối thông tin, phối hợp các đơn vị thực hiện việc quản lý các thông tin, minh chứng chất lượng của Trường và CTĐT một cách phù hợp theo quy định chung và các tiêu chuẩn chất lượng;

6. Phối hợp với các đơn vị, tổ chức thu thập lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao CLGD của Trường theo quy định và tiêu chuẩn ĐBCLGD;

7. Tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác ĐBCLGD cho cán bộ, viên chức của Nhà trường;

8. Thống kê và báo cáo kết quả công tác ĐBCLGD theo yêu cầu của Nhà trường.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ Đảm bảo chất lượng giáo dục

Các tổ ĐBCLGD là đơn vị đầu mối quản lý công tác ĐBCLGD ở các đơn vị, có các nhiệm vụ sau:

1. Phối hợp với các đơn vị khác trong việc giúp lãnh đạo đơn vị xây dựng cơ chế ĐBCLGD và thực hiện thu thập, lưu trữ thông tin phản hồi về chủ trương, chính sách, quy định, cơ chế quản lý, điều kiện nguồn lực, quy trình triển khai và kết quả đạt được về các mặt hoạt động của đơn vị theo các quy định hiện hành;

2. Định kỳ hàng tháng, học kỳ và năm học tổng hợp, phân tích các thông tin đã thu thập và xem xét tương quan với các mục tiêu đã đề ra của đơn vị đồng thời gửi báo cáo tổng hợp công tác ĐBCLGD kèm theo minh chứng đến phòng KT&ĐBCLĐT để lưu trữ và tổng hợp trình Hội đồng ĐBCLGD của trường;

3. Tư vấn cho lãnh đạo Nhà trường các biện pháp, kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo;

4. Hướng dẫn các bộ phận và cá nhân liên quan của đơn vị trong việc thực hiện công tác ĐBCLGD theo quy trình đảm bảo chất lượng (các tiêu chuẩn, tiêu chí để đánh giá hoạt động của các bộ phận) của Nhà trường;

5. Giúp lãnh đạo đơn vị kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện công tác ĐBCLGD trong lĩnh vực được phân công;

6. Lưu trữ các minh chứng phục vụ công tác ĐBCL của đơn vị và các hoạt động của Nhà trường mà các đơn vị mình làm đầu mối tổ chức hoạt động;

7. Đề xuất và phối hợp triển khai các kế hoạch hợp tác trong lĩnh vực ĐBCLGD với các tổ chức trong và ngoài nước;

8. Là bộ phận thường trực cùng phòng KT&ĐBCLĐT giúp Hội đồng tự đánh giá trong thời gian thực hiện KĐCL Trường hoặc CTĐT.

Điều 17. Trách nhiệm của lãnh đạo, quản lý, giảng viên, nhân viên và người học về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

Mọi cá nhân, tập thể trong Trường bao gồm các cấp lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học phải có trách nhiệm trong công tác ĐBCLGD, cụ thể như sau:

1. Trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường:

a) Chịu trách nhiệm chung về chất lượng GDĐH tại trường;

b) Chỉ đạo, ban hành chính sách, chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD.

2. Trách nhiệm của lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường:

a) Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

b) Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc thực hiện công tác ĐBCLGD trong lĩnh vực được phân công;

c) Xây dựng kế hoạch ĐBCLGD theo nhiệm vụ của đơn vị; chỉ đạo kiểm tra, đánh giá việc triển khai công tác ĐBCLGD nhằm đạt được mục tiêu đề ra;

d) Tham gia và hỗ trợ thực hiện công tác ĐBCLGD theo kế hoạch của Nhà trường;

e) Quản lý và cung cấp thông tin, minh chứng có liên quan đến ĐBCLGD thuộc phạm vi quản lý của đơn vị;

g) Tổ chức và phân công cán bộ phụ trách công tác ĐBCLGD thường trực và ổn định, làm đầu mối phối hợp thực hiện các nhiệm vụ ĐBCLGD của đơn vị; cử cán bộ tham gia các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác ĐBCLGD theo kế hoạch của Nhà trường;

h) Hỗ trợ các đơn vị trực tiếp đào tạo cũng như phối hợp thực hiện các hoạt động có liên quan đến ĐBCLGD theo chỉ đạo của Hiệu trưởng và hướng dẫn của phòng KT&ĐBCLĐT.

i) Báo cáo kết quả thực hiện công tác ĐBCLGD định kỳ theo hướng dẫn và yêu cầu của Nhà trường.

3. Trách nhiệm của lãnh đạo khoa:

a) Chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hỗ trợ người học;

b) Xây dựng kế hoạch ĐBCLGD của khoa;

c) Triển khai các quy trình, quy định về ĐBCLGD của Nhà trường, khoa; chỉ đạo thực hiện công tác ĐBCLGD và cải tiến chất lượng trong khoa; đồng thời xây dựng và triển khai cơ chế ĐBCLGD nội bộ phù hợp với khoa;

d) Rà soát CĐR, CTĐT, đề cương và đề thi theo quy định;

e) Xây dựng hệ thống, duy trì cập nhật thông tin liên lạc với các bên liên quan sinh viên đang học, sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động, giảng viên, chuyên gia, đáp ứng được yêu cầu khảo sát lấy ý kiến phản hồi định kỳ, riêng đối với sinh viên tốt nghiệp thì thông tin được cập nhật theo từng đợt xét tốt nghiệp của Nhà trường; phối hợp thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường;

g) Quản lý và cung cấp thông tin, minh chứng có liên quan đến ĐBCLGD thuộc phạm vi quản lý của đơn vị;

h) Tổ chức và phân công cán bộ phụ trách công tác ĐBCLGD thường trực và ổn định, làm đầu mối phối hợp thực hiện các nhiệm vụ ĐBCLGD của đơn vị; cử cán bộ tham gia các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác ĐBCLGD theo kế hoạch của Nhà trường;

k) Phối hợp thực hiện hoạt động ĐBCLGD theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng và sự hướng dẫn về chuyên môn của phòng KT&ĐBCLGD đào tạo;

l) Tổng hợp, thống kê và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến công tác ĐBCLGD theo yêu cầu và hướng dẫn của Nhà trường.

4. Trách nhiệm của đội ngũ giảng viên:

a) Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy, trong đó đảm bảo việc thiết kế và triển khai chương trình dạy và học một cách nhất quán; sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học, lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được kết quả học tập mong đợi; phát triển và sử dụng đa dạng các công cụ, nguồn lực hỗ trợ giảng dạy; giám sát hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện;

b) Chịu trách nhiệm về chất lượng về các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ do cá nhân thực hiện;

c) Giám sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của bản thân và đánh giá chất lượng học phần do cá nhân phụ trách; tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan; rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy để cải tiến chất lượng;

d) Tham gia xây dựng, rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT, đề cương, đề thi kết thúc học phần;

e) Tham gia các hoạt động nâng cao năng lực chuyên môn, sư phạm, công tác đảm bảo và kiểm định CLGD theo yêu cầu của Nhà trường.

5. Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ hỗ trợ:

a) Chịu trách nhiệm về chất lượng các hoạt động hỗ trợ được phân công, rà soát cải tiến các quy trình nghiệp vụ cốt lõi, cập nhật, lưu trữ các minh chứng dữ liệu phục vụ công tác ĐBCLGD; tự đánh giá và tiếp thu các ý kiến góp ý để cải tiến chất lượng;

b) Đóng góp ý kiến cho lãnh đạo nhằm cải tiến và nâng cao CLGD;

c) Tham gia các hoạt động nâng cao năng lực về công tác đảm bảo và kiểm định CLGD theo yêu cầu của đơn vị.

6. Trách nhiệm của người học:

a) Chịu trách nhiệm về tiến trình học và chất lượng học tập của bản thân;

b) Định kỳ đóng góp ý kiến giúp Nhà trường cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các phản hồi về CTĐT, hoạt động dạy và học, hỗ trợ, phục vụ CSVC theo kế hoạch của Nhà trường;

c) Tham gia các hoạt động về đảm bảo và kiểm định CLGD khi được yêu cầu.

Chương IV
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG

Điều 18. Công cụ đánh giá

Nhà trường thực hiện tự đánh giá CSGD theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí.

Điều 19. Các bước tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, phân tích, xử lý thông tin và minh chứng.
4. Viết báo cáo tự đánh giá.
5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.
6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Điều 20. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục trường

1. Hội đồng tự đánh giá có số thành viên là số lẻ và có ít nhất là 11 thành viên, do Hiệu trưởng quyết định thành lập.

2. Hội đồng có Ban thư ký giúp việc và các nhóm chuyên trách công tác;

3. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng và các thành viên, ban thư ký, nhóm chuyên trách thực hiện theo Điều 32, Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Các thành viên của Hội đồng phải được tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá về các nội dung: hệ thống ĐBCLGD; quy trình, chu kỳ KĐCL; hướng dẫn tự

đánh giá; nghiên cứu hồ sơ văn bản, kỹ thuật phỏng vấn, thảo luận nhóm, viết báo cáo tự đánh giá.

Điều 21. Lập kế hoạch tự đánh giá

1. Kế hoạch tự đánh giá được lập thông qua các thành viên Hội đồng tự đánh giá và được Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá phê duyệt.

2. Kế hoạch tự đánh giá thực hiện theo Phụ lục 2, Công văn 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng (CV766).

Điều 22. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng

1. Căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, Hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể cho các thành viên của Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng trước khi tiến hành viết báo cáo tự đánh giá.

2. Trong quá trình thu thập thông tin và minh chứng, phải chỉ rõ nguồn gốc của chúng. Có biện pháp bảo vệ, lưu trữ các thông tin, minh chứng, kể cả các tư liệu liên quan đến nguồn gốc của các thông tin và minh chứng thu được. Khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin để triển khai hoạt động tự đánh giá, số hóa các minh chứng, tạo thuận tiện cho việc cập nhật, lưu trữ và đối chiếu thông tin.

Điều 23. Viết báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường

1. Báo cáo tự đánh giá được trình bày một cách cô đọng, rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, đầy đủ theo các tiêu chí đánh giá chất lượng, bao gồm các phần chính:

a) Dữ liệu về Trường;

b) Mức độ đáp ứng theo các tiêu chuẩn;

c) Tự đánh giá về đảm bảo chất lượng.

2. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công bố trong nội bộ cơ sở giáo dục để các cán bộ quản lý, giảng viên, cán bộ khoa học, nhân viên và người học có thể đọc và đóng góp ý kiến trong thời gian ít nhất là 10 ngày làm việc.

3. Báo cáo tự đánh giá được Hội đồng tự đánh giá hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, giảng viên, cán bộ khoa học, nhân viên và người học. Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá phê duyệt báo cáo tự đánh giá.

Điều 24. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường

1. Phòng KT&ĐBCLĐT chịu trách nhiệm lưu trữ báo cáo tự đánh giá đã được phê duyệt cùng toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện.

2. Bản sao báo cáo tự đánh giá được để trong thư viện để các tổ chức, cá nhân có quan tâm tham khảo.

Điều 25. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường

1. Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Gửi báo cáo tự đánh giá cho Bộ GDĐT (Cục Quản lý chất lượng) để báo cáo.

3. Hằng năm, báo cáo tự đánh giá được cập nhật (dưới dạng báo cáo bổ sung) và lưu trữ trong Thư viện của Trường.

Chương V
TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 26. Công cụ đánh giá

Nhà trường thực hiện tự đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí.

Điều 27. Các bước tự đánh giá chương trình đào tạo

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, phân tích, xử lý thông tin, minh chứng.
4. Viết báo cáo tự đánh giá.
5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.
6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Điều 28. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo

1. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo có số thành viên là số lẻ, từ 09 đến 25 thành viên, do Hiệu trưởng quyết định thành lập cho từng CTĐT.

2. Hội đồng có ban thư ký giúp việc và các nhóm chuyên trách công tác.

3. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng và các thành viên, ban thư ký, nhóm chuyên trách thực hiện theo Điều 7, Điều 8 Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận để đi đến thống nhất.

5. Các thành viên của Hội đồng phải được tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá về các nội dung: hệ thống ĐBCLGD; quy trình, chu kỳ kiểm định CTĐT; hướng dẫn tự đánh giá CTĐT; nghiên cứu hồ sơ văn bản, kỹ thuật phỏng vấn, thảo luận nhóm, viết báo cáo tự đánh giá CTĐT.

Điều 29. Lập kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo

1. Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá lập kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo và được Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.

2. Kế hoạch tự đánh giá thực hiện theo Phụ lục 2, Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo (CV1075).

Điều 30. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng

1. Căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT, Hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể cho các thành viên của Hội đồng chịu

trách nhiệm tổ chức thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng trước khi tiến hành viết báo cáo tự đánh giá.

2. Trong quá trình thu thập thông tin và minh chứng, phải chỉ rõ nguồn gốc của các thông tin và minh chứng thu được. Có biện pháp bảo vệ, lưu trữ các thông tin, minh chứng, kể cả các tư liệu liên quan đến nguồn gốc của các thông tin và minh chứng thu được. Khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin để số hóa các minh chứng, tạo thuận tiện cho việc lưu trữ và đối chiếu khi cần thiết.

Điều 31. Viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

1. Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo được trình bày một cách ngắn gọn, rõ ràng, chính xác và đầy đủ về các hoạt động của chương trình đào tạo, chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại, khó khăn và kiến nghị, các giải pháp cải tiến chất lượng, kế hoạch thực hiện, thời hạn hoàn thành, thời gian tiến hành đợt tự đánh giá tiếp theo.

2. Kết quả tự đánh giá CTĐT được trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. Trong mỗi tiêu chuẩn, trình bày lần lượt theo từng tiêu chí. Đối với mỗi tiêu chí phải viết đầy đủ 5 phần: mô tả; điểm mạnh; điểm tồn tại; kế hoạch hành động; tự đánh giá. Kết quả đánh giá từng tiêu chí được tổng hợp vào bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT (Phụ lục 7a và Phụ lục 7b).

3. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công bố trong nội bộ Trường Đại học Thái Bình để các cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học có thể đọc và góp ý kiến trong thời gian ít nhất 2 tuần.

4. Báo cáo tự đánh giá được Hội đồng tự đánh giá hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học. Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá phê duyệt báo cáo tự đánh giá.

Điều 32. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

1. Phòng KT&ĐBCLĐT chịu trách nhiệm lưu trữ báo cáo tự đánh giá CTĐT đã được phê duyệt cùng toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện.

2. Bản sao báo cáo tự đánh giá CTĐT được lưu giữ tại khoa quản lý CTĐT và thư viện để các tổ chức, cá nhân có quan tâm tham khảo.

Điều 33. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

1. Khoa quản lý CTĐT chủ động triển khai thực hiện các kế hoạch hành động trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

2. Gửi báo cáo tự đánh giá *(kèm theo công văn)* về Bộ Giáo dục và Đào tạo để báo cáo.

3. Hàng năm, báo cáo tự đánh giá được cập nhật theo hiện trạng của CTĐT được đánh giá *(dưới dạng báo cáo bổ sung hàng năm);* được lưu trữ tại phòng KT&ĐBCLĐT, Khoa quản lý CTĐT và Thư viện của trường.

Chương VI
ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 34. Mô hình và tiêu chuẩn chất lượng

Trường ĐHTB áp dụng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học và đánh giá CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Vận dụng phù hợp với điều kiện của Nhà trường mô hình và tiêu chuẩn chất lượng của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network-Quality Assurance) và các tổ chức quốc tế khác.

Điều 35. Hoạt động cải tiến chất lượng

Dựa vào kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài chất lượng trường đại học và đánh giá CTĐT, kết quả đối sánh là cơ sở để Nhà trường thực hiện các hoạt động cải tiến phù hợp nhằm nâng cao chất lượng CTĐT và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Điều 36. Điều kiện đảm bảo cho cá nhân tham gia hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục

Cá nhân tham gia công tác ĐBCLGD được đảm bảo các điều kiện hoạt động và hưởng các chế độ sau:

1. Được đơn vị tạo điều kiện thuận lợi tham gia công tác ĐBCLGD;

2. Được tham gia tập huấn, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn liên quan đến việc thực hiện công tác ĐBCLGD;

3. Được hưởng các chế độ theo quy định của quy chế chi tiêu nội bộ.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Phòng KT&ĐBCLĐT

1. Phòng KT&ĐBCLĐT có trách nhiệm tham mưu giúp Hiệu trưởng lập kế hoạch triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các tổ ĐBCLGD và các đơn vị thực hiện quy định, đồng thời là đầu mối tiếp nhận thông tin từ các đơn vị, tổng hợp báo cáo Hội đồng ĐBCLGD.

2. Phòng KT&ĐBCLĐT là đầu mối, phối hợp với phòng Thanh tra - Pháp chế giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định và kế hoạch đảm bảo chất lượng tại các đơn vị trong toàn trường hoặc tổ chức kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình.

Điều 38. Các đơn vị trực thuộc Trường

1. Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai công tác ĐBCLGD và thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện bản Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về phòng KT&ĐBCLĐT để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Điều 39. Chế độ báo cáo

1. Các đơn vị định kỳ thực hiện báo cáo công tác ĐBCLGD cho Trường (qua phòng KT&ĐBCLĐT) trước 01/7 và 15/12 hàng năm hoặc khi có yêu cầu của Nhà trường.

2. Phòng KT&ĐBCLĐT là đầu mối tập hợp các báo cáo công tác ĐBCLGD của các đơn vị trong Trường; báo cáo Bộ GDĐT về công tác ĐBCLGD, tự đánh giá chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này thay thế Quyết định số 583/QĐ-ĐHTB ngày 20/9/2018 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Việc sửa đổi, bổ sung do Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình xem xét, quyết định trên cơ sở kiến nghị của các đơn vị thông qua phòng KT&ĐBCLĐT./.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Lý